TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 77/2025/HSST
Ngày 23 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Khánh Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức
2. Ông Trần Minh Hải

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2025/HSST ngày 04 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Đức A, sinh ngày 16/8/1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn N, xã T, huyện T1, tỉnh T2. Chỗ ở: Số nhà 05/01, ngõ 30, đường Lê Thánh Tông, tổ 02, phường Bồ Xuyên, thành phố T2, tỉnh T2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T3 và bà Phan Thị L; Có vợ là Phạm Thị P và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6022/QĐ-XPHC ngày 19/9/2016 của Công an huyện Đ, tỉnh T2 phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong ngày 26/9/2016; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2025 đến ngày 01/4/2025 chuyển tạm giam cho đến nay. Trích xuất, có mặt.

** Người chứng kiến:*

- Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1973; Trú tại: Số nhà 6/5, ngõ 159, đường N1, tổ 4, phường P1, thành phố T2, tỉnh T2. *(Vắng mặt)*

- Anh Lê Xuân T4, sinh năm 1962; Trú tại: số nhà 10, ngõ 64, đường B, tổ 15, phường T5, thành phố T2, tỉnh T2. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 25/3/2025, Phạm Đức A điều khiển xe máy điện nhãn hiệu Vinfast màu xanh đen, biển số 79MĐ1-064.56 đi từ chỗ ở đến khu vực đường Đ1, tổ 3, phường K, thành phố T2, tỉnh T2 gặp và mua của một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 túi ma túy đá với giá 1.000.000 đồng, A cất ở túi quần bên phải phái trước rồi điều khiển xe máy điện đi tìm chỗ để sử dụng. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi A đi đến khu vực cổng Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh T2 thuộc đường N2, phường T6, thành phố T2, tỉnh T2 thì bị tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện. Trước sự chứng kiến của anh Nguyễn Tiến V và anh Lê Xuân T4, A tự giác lấy từ túi quần bên phải phía trước ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt, A khai là ma túy đá vừa mua, mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác niêm phong trong phong bì dán kín, trên mép dán có chữ ký của A và những người chứng kiến, tổ công tác đưa A và mời người chứng kiến về trụ sở Công an phường T6, thành phố T2 để làm việc. Tại trụ sở Công an phường, tổ công tác kiểm tra người A thu tại túi quần phía trước 01 điện thoại Iphone 16 Plus vỏ màu xanh, kiểm tra xe máy điện do A điều khiển không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ theo quy định.

Bản kết luận giám định số 287/KL-KTHS ngày 31/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: "*Mẫu vật quản lý của Phạm Đức A gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 3,3679 gam* (*Ba phẩy ba nghìn sáu trăm bảy mươi chín gam). Methamphetamine STT: 247 Danh mục IIC phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 và Nghị định 90/2024/NĐ-CP ngày 17/7/2024 của Chính phủ*"

Bản Cáo trạng số 75/CT-VKSTPTB ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Phạm Đức A về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đức A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Đức A phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Phạm Đức A mức án từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù; Phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng - 7.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại hoàn trả lại sau giám định. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Iphone 16 Plus vỏ màu xanh. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người chứng kiến và còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong

đồ vật, tài liệu và kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Vào hồi 23 giờ 30 phút ngày 25/3/2025, tại khu vực cổng Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh T2 thuộc đường N2, phường T6, thành phố T2, tỉnh T2, Phạm Đức A tàng trữ trái phép 3,3679 gam Methamphetamine, mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

Như vậy, hành vi trên của bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với bị cáo Phạm Đức A về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Bị cáo 01 lần bị xử lý vi phạm hành chính nhưng đến thời điểm phạm tội lần này đã được xóa coi là không bị xử lý hành chính. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích và nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo còn bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là chất thuộc danh mục Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe máy điện nhãn hiệu Vinfast màu xanh đen, biển số 79MĐ1-064.56, qua điều tra xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo để làm phương tiện đi lại. Ngày 25/3/2025 bị cáo sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy chị Phương không biết. Ngày 22/5/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã trả lại chiếc xe trên cho chị Phương là phù hợp.

- Đối với điện thoại Iphone 16 Plus vỏ màu xanh cơ quan điều tra quản lý của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua tại khu vực đường Đ1, tổ 3, phường K, thành phố T2, tỉnh T2 của một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Đức A phạm tội*"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Đức A 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 26/3/2025.

Phạt bổ sung bị cáo 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 2,9532 gam Methamphetamine của bị cáo Phạm Đức A còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 287/KL-KTHS.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Đức Anh 01 điện thoại Iphone 16 Plus vỏ màu xanh.

(Vật chứng đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình quản lý có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2025).

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Đức A phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Đức A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2025.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình (PC10; PV06);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Khánh Linh